

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phan Xuân L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K;

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phan Thị T1 – sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Ngân hàng N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A3 chi nhánh B - Phòng G;

Địa chỉ: Số E đường P, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người kháng cáo: ông Phạm H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện ông Đặng Hữu H trình bày:**

Vào năm 1994 ông A, thường trú tại Buôn P, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có sang nhượng lại diện tích đất trồng cà phê cho ông Phan Văn H2, sinh năm 1963, và bà Nguyễn Thị H3 (là vợ ông H2), sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: xã E, huyện C, diện tích: 3.000m². Vị trí thửa đất: Phía Bắc giáp ông Y M, phía Đông giáp đất ông Y L1, phía Tây giáp suối V, phía Nam giáp suối V (có giấy tờ gốc kèm theo). Đến ngày 12/9/2012, ông Phan Văn H2 và vợ là bà Nguyễn Thị H3 không còn nhu cầu sử dụng và đã chuyển nhượng lại lô đất nói trên cho ông Phan Văn Đ (là anh trai của ông H2) và bà Phạm Thị T2 (có đơn xác nhận của ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị H3 kèm theo). Từ năm 2012 đến năm 2017 gia đình ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị T2 vẫn tiếp tục sử dụng, quản lý và canh tác trên lô đất rẫy nói trên mà không có xảy ra bất kỳ sự tranh chấp nào. Đến ngày 10/5/2017, gia đình ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị T3 chuyển nhượng lô đất trên cho ông là Đặng Hữu H (có giấy tờ viết tay và giấy tờ mua bán đất bản gốc do ông Nguyễn Thanh H4, chủ tịch UBND xã H ký xác nhận, ngày 14/10/1994). Kể từ ngày 10/5/2017, đến nay gia đình ông quản lý, sử dụng, canh tác và đầu tư cải tạo và trồng thêm cây sầu riêng, tiêu, cây ăn trái... và xây chòi canh gác trên mảnh đất nói trên để tiện ở lại chăm sóc, thu hoạch. Nhưng không có xảy ra bất kỳ tranh chấp nào và đang sử dụng rất ổn định. Đến năm 2020 theo quy định nhà nước, mảnh đất trên được cơ quan Nhà nước tiến hành đo đạc lại theo hệ thống bản đồ mới và ông H đã ký giáp ranh thửa đất theo pháp luật quy định. Thửa đất số 252; tờ bản đồ số 72; Diện tích đất: 4.880m²; Mục đích sử dụng: Trồng cây lâu năm (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc đính kèm); Vị trí tiếp giáp các chủ sử dụng đất hiện nay là: Phía Đông giáp đất bà H'Buất Ê1, phía Tây giáp suối V, phía Nam giáp suối V, phía Bắc giáp ông Y M. Tuy nhiên, đến tháng 4/2022 tôi liên hệ với phòng Tài Nguyên Môi Trường huyện K để được hướng dẫn các thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước thì phát hiện một phần thửa đất của ông H đang sử dụng lại được ông Trần Quốc V phó chủ tịch UBND huyện K ký cấp cho bà Phan Thị T1, sinh năm:

1989, địa chỉ thường trú: Thôn A xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, diện tích: 3.080m², theo GCNQSDĐ số CD 348710 cấp ngày 16 tháng 07 năm 2018. Sau khi phát hiện sự việc trên thì ngày 15/5/2022 tôi có viết đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện K để được xem xét giải quyết. Nhưng UBND huyện K không giải quyết đơn khiếu nại của tôi. Do vậy, đến ngày 22/8/2022 tôi làm đơn khởi kiện vụ án gửi Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.080m².

*** Người khởi kiện bà H Buất Êban trình bày:**

Trước đây tôi xác định diện tích đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, GCNQSDĐ số CD348710 do UBND huyện K cấp cho bà Phan Thị T1 do tôi và ông Đặng Hữu H canh tác, sử dụng nên có làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CD348710.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tôi xác định: thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, GCNQSDĐ số CD348710 do UBND huyện K cấp cho bà Phan Thị T1 chỉ có gia đình ông H canh tác, sử dụng còn đất gia đình tôi canh tác ở thửa đất liền kề. Xét thấy quyền và lợi ích của mình không bị xâm phạm nên tôi đã làm đơn xin rút lại toàn bộ nội dung khởi kiện.

Hiện nay tôi không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những gì tôi biết tôi đã trình bày nên tôi xin được từ chối tham gia tố tụng và xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk trình bày:**

Về trình tự, thủ tục trong việc cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CD 348710 cho bà Phan Thị T1: Ngày 01/3/2018 bà Phan Thị T1 thường trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất gồm Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đơn xin cam kết tại UBND huyện K với nội dung *“Năm 2007 tôi có nhận tặng cho từ bố tôi là ông Phan Văn H2 một lô đất có nguồn gốc tự khai hoang năm 1990, sau đó tôi sử dụng vào mục đích nông nghiệp từ đó đến nay. Tại thời điểm đó lô đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay tôi đang làm thủ tục xin được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trên do tôi đang quản lý và sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ 30, diện tích đất là 3.080m², thửa đất thuộc buôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk”* và biên bản xác định ranh giới chủ sử dụng đất có xác nhận của công chức địa chính xã và UBND xã H xác minh nguồn gốc sử dụng đất do ông Phan Văn H2 khai hoang năm 1990 đến năm 2007 cho con là bà T1 canh tác sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp phù hợp với quy hoạch.

Cùng ngày 01/3/2018, UBND xã H gửi danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất; Biên bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất là nhận tặng cho từ ông Phan Văn H2 năm 2007, có nguồn gốc tự khai hoang năm 1990 đến UBND huyện.

Ngày 16/7/2018 sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K gửi đến, phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện có Tờ trình số 60 /TTr-TNMT về việc công nhận Quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị T1 tại xã H và Tờ trình 602/TTr-TNMT về việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị T1. Cùng ngày 16/7/2018 UBND huyện K ban hành Quyết định số 2203/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với thửa đất 51, tờ bản đồ 30, diện tích 3.080m² để sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến hết ngày 01/7/2064 và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD 348719 đối với thửa đất trên cho bà Phan Thị T1.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phan Thị T1, UBND huyện thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai là đúng trình tự, thủ tục quy định. Đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật

***Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày:**

Bà Phan Thị T1 vay vốn tại A3 chi nhánh B - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201901711 được ký kết ngày 31/10/2019; Với số tiền vay: 80.000.000 đồng (T4 mươi triệu đồng); Ngày vay 31/10/2019; Ngày trả 31/10/2021; Tính đến ngày 28/10/2022 bà Phan Thị T1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng do bà T1 để quá hạn trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và ngân hàng đang thực hiện đơn đốc để thu hồi nợ vay.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1; thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản thế chấp này được giao kết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241097774 ngày 05/9/2018 và được thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định pháp luật. Cụ thể, hợp đồng này đã được công chứng tại Văn phòng C ngày 05/9/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 05/9/2018 (theo quyền số 02, số thứ tự 2272). Như vậy, việc ngân hàng cho vay và nhận tài sản thế chấp nói trên để bảo đảm cho khoản vay là đúng theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ nêu trên, A3 chi nhánh B1 - Phòng G kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết vụ án nhưng vẫn đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1:

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2022 thể hiện bà Phan Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã E, huyện C. Tuy nhiên hiện nay bà T1 không có mặt tại địa phương, khi đi không thông báo với chính quyền địa phương, bà T1 vắng mặt tại địa phương trên 06 tháng. Tòa án đã tiến hành thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Năm 1994 vợ chồng tôi có nhận sang nhượng của ông A (hiện nay ông A1 và chồng tôi Phan Văn H2 đã mất năm 2015). Do điều kiện sức khỏe không canh tác được nên ngày 12/9/2012 vợ chồng tôi chuyển nhượng lại lô đất trên cho ông Phan Văn Đ (anh trai của ông H2), bà Phạm Thị T2 và bàn giao đất cho vợ chồng ông Đa canh t. Sau này tôi được biết vào năm 2017 vợ chồng ông Đ đã sang nhượng lại diện tích đất trên cho ông Đặng Hữu H và ông H đã canh tác sử dụng từ năm 2017 cho đến nay.

Tôi xác định vợ chồng tôi đã sang nhượng đất cho ông Đ vào năm 2012. Vợ chồng tôi không hề tặng cho diện tích đất trên cho con gái Phan Thị T1 bằng miệng hay kí bất kì giấy tờ tặng cho nào. Hơn nữa, bà Phan Thị T1 cũng không hề sử dụng hay canh tác đối với diện tích đất trên. Bà T1 làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ông Đặng Hữu H đang canh tác thời gian nào tôi không biết.

Nay ông Đặng Hữu H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CĐ348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, tôi đề nghị Tòa án tiến hành hủy GCNQSDĐ nêu trên để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Đặng Hữu H.

Người làm chứng bà H Buất Êban trình bày

Đối với nguồn gốc thửa đất H Buất Êban đang khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ tôi xin trình bày như sau:

Về nguồn gốc đất do tôi và ông Y L1 KTla là chồng của tôi khai hoang năm 1990 tại khu vực suối rừng già ở trong buôn P. Sau khi khai hoang chúng tôi trồng cà phê, sầu riêng, tiêu. Năm 2000 ông Y L1 chết. Khoảng năm 2008-2009 chúng tôi tặng cho đất cho con gái là H Buất Êban quản lý, sử dụng. Từ đó đến nay H Buất Êban là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất, không tranh chấp lấn chiếm đất với ai đúng như hiện trạng trước đây chúng tôi khai hoang sử dụng. Nay H Buất Êban làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 tôi đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của H Buất Êban.

Người làm chứng ông Phan Văn Đ trình bày

Tôi được biết nguồn gốc lô đất do vợ chồng em trai của tôi Phan Văn H2, Nguyễn Thị H3 nhận sang nhượng của ông A. Ngày 12/9/2012 vợ chồng chú H2 chuyển nhượng lại lô đất trên cho vợ chồng tôi.

Năm 2017 vợ chồng tôi sang nhượng lại lô đất trên cho ông Đặng Hữu H. Sau khi ông H thanh toán đầy đủ, vợ chồng tôi đã giao toàn bộ diện tích cho ông H canh tác, sử dụng từ năm 2017 cho đến nay. Việc sang nhượng đất giữa tôi và ông Đặng Hữu H đã hoàn tất. Tôi không còn liên quan gì đến diện tích đất trên.

Nay ông Đặng Hữu H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CD348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà H Rưc Êban trình bày:

Tôi là người canh tác liền kề lô đất của ông Đặng Hữu H và bà H' Buất Êban. Tôi xác định từ trước đến nay chỉ thấy ông H canh tác trên diện tích đất rẫy mà không thấy bà T1 canh tác. Đối với biên bản xác định ranh giới chủ sử dụng đất năm 2018 tôi khẳng định không phải chữ viết, chữ ký của tôi.

Nay ông Đặng Hữu H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CD348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Y Mlô Ê2 trình bày:

Tôi là người canh tác liền kề lô đất của ông Đặng Hữu H và bà H' Buất Êban. Năm 2018, bà T1 con gái của ông Phan Văn H2 có nhờ tôi ký giấy tờ cho ông Phan Văn H2, tôi có biết ông H2 nên đã ký vào giấy chứ không đọc nội dung nên không biết ký nội dung gì. Tôi xác định từ trước đến nay chỉ thấy ông Đặng Hữu H, bà H' Buất Êban canh tác trên diện tích đất rẫy, không lấn chiếm tranh chấp đất với ai, tôi không thấy bà T1 canh tác.

Nay ông Đặng Hữu H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CD348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Y Blul A2 trình bày:

Tôi là người canh tác gần lô đất của ông Đặng Hữu H và bà H' Buất Êban cách nhau con suối. Năm 2018 bà T1 con gái của ông Phan Văn H2 có nhờ tôi ký giấy tờ cho ông Phan Văn H2, tôi có biết ông H2 nên có ký vào giấy chứ không đọc nội dung nên không biết ký vào giấy gì. Tôi xác định từ trước đến nay chỉ thấy ông Đặng Hữu H canh tác trên diện tích đất rẫy, không lấn chiếm tranh chấp đất với ai, tôi không thấy bà T1 canh tác.

Nay ông Đặng Hữu H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CD348710 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích sử dụng thực tế tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 có hình thể kích thước thửa đất có sự thay đổi so với

bản đồ đo đạc năm 1995. Tại thời điểm hiện nay ông Đặng Hữu H đang là người chăm sóc cây lâu năm trên thửa đất trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2023/HC-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử:

[2.1]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H6 Êban đối với yêu cầu huỷ Huỷ GCNQSDĐ số CD 348710 do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 tại thửa đất 51, tờ bản đồ số 30 diện tích 3080m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đặng Hữu H:

Huỷ GCNQSDĐ số CD 348710 do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 tại thửa đất 51, tờ bản đồ số 30 diện tích 3.080m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đặng Hữu H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày: Ngân hàng kháng cáo lý do Bản án sơ thẩm chưa xem xét quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bởi Tòa án sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác cho Ngân hàng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt Người bị kiện và những Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 348710 (GCNQSDĐ) cho bà Phan Thị T1 là không đúng đối tượng, nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất như nhận định tại Bản án sơ thẩm, nên Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu H: Hủy GCNQSDĐ số CD 348710 do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/7/2018 cho bà Phan Thị T1 tại thửa đất 51, tờ bản đồ số 30 diện tích 3.080m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Ngân hàng N - Chi nhánh B – Phòng G và bà Phan Thị T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201901711 vào ngày 31/10/2019, cho bà T1 vay số tiền là 80.000.000 đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo GCNQSD đất số CD 348710. Tài sản thế chấp này được giao kết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241097774 ngày 05/9/2018. Hiện tại bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Như phân tích tại mục [2.1], Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H hủy GCNQSD đất số CD 348710 là có căn cứ pháp luật. Theo đó Tòa án sơ thẩm nhận định: *“Ngân hàng có quyền khởi kiện bà T1 bằng một vụ án dân sự, nếu bà T1 không có khả năng trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản khác của bà T1 (nếu có) và cũng có thể gửi đơn kiến nghị yêu cầu xử lý trách nhiệm của thủ trưởng, công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý đất đai các cấp và công chức địa chính cấp xã trong việc vi phạm trình tự thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định tại các Điều 206, 207, 208, 209 Luật đất đai năm 2013 hoặc có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng một vụ án dân sự độc lập nếu có đầy đủ căn cứ”* là phù hợp, là có xem xét dành quyền kiến nghị hoặc khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác cho Ngân hàng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được chấp nhận, do vậy chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng N. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 104/2023/HC-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ngân hàng N (chi nhánh B - Phòng G) phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 3794 ngày 02/8/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung